

KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỆN (tập 2)

Hôm qua giảng đến đề Kinh, giới thiệu xong “Bồ-tát Địa Tạng”. Hôm nay chúng ta tiếp tục giới thiệu tiếp “Bồn Nguyện”.

“Bồn nguyện”.

Đề mục có quan hệ rất lớn đối với việc chúng ta tu học, cho nên nhất định phải lý giải thật rõ ràng. Có rất nhiều các bạn đồng tu, không thể nói họ không dụng công, không thể nói họ không tinh tấn, tại sao không thể đạt được thành tựu vậy? Thật sự là bởi vì đối với kho báu tâm địa chưa thể thật sự nhận thức rõ ràng. Người thế gian trong quá khứ, bất luận là ở ngành nghề nào, đặc biệt là người có ăn học, Phật pháp là càng không ngoại lệ, ở trong thế pháp xem trọng lập chí. Một người không có chí hướng, họ cả đời phấn đấu, nỗ lực nhưng không có mục tiêu, thì đương nhiên sẽ không có kết quả rồi. Phật pháp nói phát nguyện, phát nguyện với lập chí mà người thế gian nói có ý nghĩa giống nhau. Nhất định phải phát thế nguyện lớn. Tại sao chúng ta không thể phát nguyện được vậy? Đạo lý này chẳng hề khó hiểu. Trong Kinh Phật thường hay lấy ví dụ, ví dụ như thực vật, tại sao hạt giống không thể nảy mầm, không thể sinh trưởng? Vì hạt giống này không có gieo xuống đất. Chúng ta để hạt giống ở trên bàn, để ở trong tách trà thì vĩnh viễn không thể nảy mầm và phát triển được. Cho nên, nguyện nhất định phải có chỗ dựa, dựa vào cái gì vậy? Dựa vào đất, dựa vào tâm địa. Tâm địa không trong sáng thì nguyện làm sao có thể sinh ra được? Là đạo lý nhất định rồi. Cây cối phải dựa vào đất mới có thể mọc rễ, mới có thể tốt khỏe, ra hoa kết quả. Đại nguyện của chư Phật Bồ-tát đều là thiết lập từ trong tâm địa. Cho nên hai chữ Địa Tạng rất quan trọng.

Tại vì sao nói tu học Đại thừa bắt đầu từ “Địa Tạng”? Tâm nguyện của bạn là thiết lập từ Địa Tạng, hạnh của bạn cũng thiết lập từ Địa Tạng. Trong tâm địa hàm chứa vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, bạn mới có thể phát huy được. Nếu như không rõ tâm địa, không biết tâm địa vốn có kho báu đức năng này, thì bạn khổ tu như thế nào cũng không thể có thành tựu được. Nguyện là hạt giống. Ở chỗ này nói nguyện là hạt giống. Ở trong "Kinh Hoa Nghiêm" ví tín tâm là hạt giống, cũng rất có đạo lý. Bạn không tin, thì nguyện của bạn sinh ra từ đâu?

Nguyện còn gọi là bồn nguyện. Buổi hôm trước có nhắc qua sơ lược với các vị rồi. Bồn có hai ý nghĩa.

Nói từ trên sự, vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đều đã từng phát qua cái nguyện này rồi. Đã phát nguyện này nhưng tại sao bạn không thành tựu? Nguyện đã phát rồi, nhưng không phải phát từ trên tâm địa, không phải phát từ trong chân tâm bồn tánh, mà phát từ đâu vậy? Là phát từ tâm ý thức, là phát từ vọng tâm. Vọng tâm là tâm sinh diệt, nên cái nguyện đó của bạn sẽ diệt. Nếu như phát từ trong chân tâm, thì cái nguyện này không thể diệt. Chân tâm bất sanh bất diệt, nên sau khi nguyện này phát rồi sẽ không thối chuyển. Phát từ trong vọng tâm sẽ thối chuyển thôi. Duyên tan rồi thì nguyện cũng mất đi. Đời này lại sanh đến nhân gian, lại gặp được Phật pháp, lại khơi ra tiếp cái tâm nguyện trước đây. Sự việc là như vậy, cho nên gọi nó là bồn nguyện. Ý nghĩa này cạn.

Ý nghĩa sâu hơn một tầng nữa, “Bồn” chính là chân như bồn tánh. Phát đại nguyện từ trong chân như bồn tánh gọi là bồn nguyện. Quý vị nên biết, quả thật phát đại nguyện từ chân như bồn tánh, thì bạn không phải phạm phu, mà chính là pháp thân đại sĩ trong "Kinh Hoa Nghiêm" nói, bởi vì bạn biết dùng chân tâm. Dùng vọng tâm là phạm phu, dùng chân tâm là Bồ-tát. Nếu các bạn đọc qua “Bách Pháp Minh Môn”, một cuốn sách nhập môn của Pháp Tướng Duy Thức, trong “Bách Pháp Minh Môn” nói với bạn: “*Đồng sanh tánh, dị sanh tánh*”, hai cái này đều là ý nghĩa của chữ “Bồn” này. Dị sanh tánh chính là dùng vọng tâm. Dị là khác nhau, là không giống như Phật Bồ-tát, dùng tâm không giống nhau. Phật Bồ-tát dùng chân tâm, bạn dùng vọng tâm. Bạn khác với Phật Bồ-tát nên gọi là dị sanh tánh. Những người nào gọi là dị sanh tánh vậy? Thập pháp giới đều là dị sanh tánh. Đừng nói phạm phu lục đạo, mà Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát và Phật trong thập pháp giới, giống như tông Thiên Thai nói Phật Tạng Giáo, Phật Thông Giáo đều là dị sanh tánh. Những người nào là đồng sanh tánh vậy? Đồng sanh tánh là dùng chân tâm giống như chư Phật Như-lai vậy. Nếu như dùng cách nói của Tướng Tông để nói thì chuyển tám thức thành bốn trí, đây là dùng chân tâm, chính là đồng sanh tánh. Đồng là giống như chư Phật Như-lai, là dùng tâm giống như Phật vậy, dùng chân tâm. Tâm của Phật giống như trăng Ngày rằm vậy. Nếu như bạn biết dùng đồng sanh tánh, thì bạn cũng giống như là trăng non mông hai, mông ba vậy. Tuy ánh trăng non không giống như ánh sáng của trăng rằm, nhưng mà đều là chân thật, đều là ánh trăng chân thật, không phải giả. Dị sanh tánh,

người xưa ví dụ nó như trăng trong nước, là bóng của mặt trăng, cái đó gọi là di sanh tánh. Cái đó khác nhau, là không phải thật. Tuy là trăng non, giống như Bồ-tát sơ trụ, Bồ-tát thập trụ thật sự là trăng non, đến thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa dần dần tăng thêm ánh sáng, đến trên quả địa Như-lai đó chính là trăng tròn, hết thủy đều là dùng chân tâm.

Xây dựng lòng tin từ chân tâm, phát ra đại nguyện từ trong chân tâm, đây là bản nguyện. Nguyện lực như vậy, cổ đức nói có thể qua được khảo nghiệm, sóng to gió lớn như thế nào họ cũng không bị dao động, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh như thế nào, họ nhất định sẽ không bị cảnh giới làm lay động. Vì sao vậy? Vì nguyện đó của họ là phát từ chân tâm, là dựa vào chân tâm. Nếu như không phải dựa vào chân tâm, mà nguyện phát từ vọng tâm, cái nguyện lực này không mạnh, nguyện lực rất yếu, rất dễ dàng bị cảnh giới lay chuyển, rất dễ bị mê mất phương hướng. Đây là điều chúng ta nhất định phải biết. Chân tâm là giống như đất vậy. Ở trong chân tâm vốn đầy đủ trí huệ, đức năng, giống như là rễ vậy. Lập nguyện chính là gốc. Sau đó bạn hành trì, chúng tôi nói khởi tâm động niệm, lời nói việc làm giống như cành nhánh của cây vậy; cành nhánh, hoa lá, trái quả tự nhiên sẽ xanh tươi. Cho nên, nguyện phải phát từ chân tâm. Chân tâm nhất định phải khẳng định kho báu tâm địa của mình không có khác gì so với mười phương chư Phật Như-lai. Bạn phải khẳng định như vậy, từ chỗ này xây dựng lòng tin, từ chỗ này phát khởi đại nguyện.

Tuy chúng ta từ trong Kinh giáo biết có sự việc như vậy, nhưng ở trong đời sống vọng tâm vẫn cứ làm chủ như thường. Một vọng thì tất cả đều vọng, không thể nói tôi phát tâm, phát nguyện là chân, còn những việc khác là vọng, không có đạo lý này. Một chân thì tất cả đều chân, một vọng thì tất cả đều vọng. Từ đó cho thấy, chúng ta ở trong đời sống thường ngày cần phải sửa đổi những tập khí hư vọng này. Nếu không hạ công phu ở những chỗ này, thì không gọi là tu hành, đó là giả, giả tu, không phải chân tu. Chân tu, không chỉ có Tông Môn mới chú trọng đề xướng tu từ căn bản (cho nên Thiền Tông thành tựu nhanh, căn bản là tâm địa), Giáo Hạ đâu có lý nào ngoại lệ, Tịnh Tông cũng không ngoại lệ.

Tịnh Tông nếu như dùng chân tâm tu, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chứ không sanh về Phương Tiện Hữu Du Độ hay Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Nhưng Tịnh Tông đích thực là pháp môn

phương tiện, bất kỳ tông phái nào, bất kỳ pháp môn nào khác, nếu như không dùng chân tâm thì chắc chắn không thể thành tựu. Cái hay của Tịnh Độ Tông là ở chỗ này, vọng tâm cũng có thể sanh Phạm Thánh Đồng Cư. Điều này đã cho chúng ta sự thuận tiện rất lớn. Người nào tập khí phiền não chưa đoạn hết, nếu như có thể dựa theo đạo lý, phương pháp trong Kinh luận Tịnh Tông nói mà tu học thì cũng có thể thành công, cũng có thể vãng sanh. Đây là điểm vô cùng thù thắng của Tịnh Độ. Cho nên phát nguyện, chúng ta căn cứ vào cái gì để phát, phát ra từ chỗ nào, chúng ta không thể không biết.

Chúng ta lại nói thực tiễn vào trong sự tướng. Ở trong sự tướng có thông, có biệt. Thông có nghĩa là cùng chung. Hết thấy Bồ-tát, hết thấy chư Phật Như-lai cùng chung nguyện lớn, đây chính là tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện là nguyện chung. Nguyện này thiết lập, phát sinh ra từ chỗ nào vậy? Là từ bất nhã và từ bi trong tự tánh. Bạn chưa có trí huệ thì không thể phát ra được, không có từ bi cũng không thể phát ra được. Bởi vì có trí huệ, có từ bi nhìn thấy chúng sanh khổ, đặc biệt là chúng sanh ở trong lục đạo, vô thủy kiếp đến nay bị đọa lạc lưu chuyển ở trong sáu cõi, không có cách gì thoát ra được. Phật, Bồ-tát nhìn thấy, nên phát khởi “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Nguyện này là phát từ đây. Ở trong Tứ Đế, nương vào Khổ Đế mà phát. Chúng ta phát nguyện có phát ra từ đây không? Chúng sanh thời nay khổ hơn thời xưa không biết là gấp bao nhiêu lần. Người chưa giác ngộ, tâm ý họ ngu muội, quan sát pháp thế gian mơ hồ chung chung, thấy không rõ ràng.

Khoa học kỹ thuật đem lại cho chúng ta một số thuận tiện trong đời sống. Những thứ âm thanh, ánh sáng, hóa học, điện ngày nay, thời xưa không có, nhưng bạn có nghĩ đến, chúng ta hưởng sự tiện lợi của khoa học kỹ thuật này phải trả cái giá là bao nhiêu hay không? Nếu bạn tư duy thật kỹ, như lời cổ nhân nói: “Lợi bất cập hại”. Chúng ta được cái lợi rất nhỏ, thời gian rất ngắn ngủi, mà chúng ta phải trả cái giá quá lớn, quá đắt. Hay nói cách khác, chúng tôi nói rõ ràng, sáng tỏ thêm một chút, là kéo dài thêm thời gian thọ khổ ở trong lục đạo, tăng thêm khổ nạn trong lục đạo, bạn nói có đáng hay không? Tại vì sao lại có hiện tượng này vậy? Đời sống văn minh vật chất này làm tăng trưởng tham, sân, si, mạn của chúng ta, thua kém rất xa so với thời xưa. Thời xưa hầu hết mọi người đều có ý niệm tham, sân, si, mạn, nhưng ít hơn hiện nay. Hay nói cách khác, thời gian luân hồi của họ có thể rút ngắn, thọ khổ ở trong lục đạo có thể giảm nhẹ. Chúng ta ngày nay thì

không như vậy. Không cần nói quá xa, nửa thế kỷ trước vẫn chưa có nghe thấy người ta nói trái đất bị bệnh, môi trường sinh thái mất cân bằng, chưa từng nghe nói không khí ô nhiễm, môi trường ô nhiễm, 50 năm trước, 100 năm trước không có những danh từ này. Hiện nay khoa học kỹ thuật tiên bộ, có thể nói là thay đổi từng ngày, nhưng đem lại tai hại ngoài sức tưởng tượng của bạn. Nếu như những nhà khoa học này bỗng nhiên giác ngộ rồi, thấy tai hại, mặt trái này quá lớn, tôi nghĩ họ sẽ dừng khoa học kỹ thuật lại, không phát triển nữa, không làm nữa. Một người mà đầu óc sáng suốt, thật bình tĩnh mới có thể quan sát ra được.

Cho nên chúng sanh khổ! Tuy văn minh vật chất tiên bộ, nhưng đời sống của chúng sanh so với trước đây khổ hơn. Về mặt hưởng thụ vật chất có chút ít tiện nghi, nhưng đau khổ trong tinh thần thì người nào cũng không thể tránh khỏi. Ngày nay bạn sống trong xã hội này, bạn có của cải rất nhiều, có địa vị rất cao, vẫn không thể tránh khỏi, làm gì có được sống thong dong tự tại như người thời xưa chứ. Chúng tôi đã đọc trong cổ văn rất nhiều, trước đây người làm quan, làm thủ trưởng địa phương, công việc của người lãnh đạo không bận lắm, mỗi ngày làm một vài giờ là xong việc rồi, thời gian còn lại là đọc sách, viết văn, vẽ tranh, ngao du sơn thủy, là sống đời sống tràn đầy ý thơ, không giống như người hiện nay. Người hiện nay sống là tranh thủ từng giây từng phút. Cuộc sống này có gì mà căng thẳng, khẩn trương, đau khổ như vậy? Hiểu rõ chân tướng sự thật thì có còn muốn đến nhân gian để đầu thai không? Sẽ không đến nữa. Người giác ngộ chỉ có Phật và đại Bồ-tát đến để cứu độ những chúng sanh khổ nạn này. Nói thật ra thì chỉ có tứ hoằng thế nguyện, nguyện này mới là bốn nguyện đích thực. Nếu phát nguyện độ chúng sanh thì mình nhất định phải làm gương mẫu, làm mẫu mực cho chúng sanh, đó là đức hạnh. Tại vì sao chúng sanh bị khổ vậy? Bởi vì phiền não không đoạn, kiến tư phiền não mỗi ngày đang tăng trưởng, mỗi ngày đang mở rộng. Quả báo của việc này không thể nghĩ bàn. Cho nên Phật, Bồ-tát phải làm một tấm gương tốt, đoạn phiền não. Người thế gian phạm lỗi lầm, không hiểu chân tướng của vũ trụ nhân sinh, tăng trưởng tham sân si mạn, dùng mọi thủ đoạn làm những việc hại người lợi mình, không biết định luật nhân quả.

Người thế gian thường nói: *“Tồn người lợi mình”*. Thực ra câu nói này là sai, vẫn chưa hiểu chân tướng sự thật. Hiểu rõ chân tướng sự thật chúng ta biết tồn người chắc chắn không lợi mình, không có đạo lý này. Chỉ có lợi người mới có thể lợi mình, đây mới là đạo lý nhất định. Tồn người làm sao lợi mình được? Nhưng do

mê hoặc điên đảo, họ cho rằng lợi ích của mình nhất định là thiết lập trên sự tổn thất của người khác, thì sẽ có được lợi ích. Đây là vọng tưởng, đây là tạo tội nghiệp cực nặng. Cho nên chúng ta cần phổ biến "Liễu Phàm Tứ Huấn", để cho những người này đọc nhiều một chút. Sau đó họ mới biết trọn đời mỗi chúng sanh "*một giọt nước, một hạt cơm đều do tiền định*". Bạn dùng thủ đoạn không chính đáng đoạt lấy được vẫn là cái mà trong số mạng bạn có. Nếu trong số mạng bạn không có, bạn hãy thử xem, bạn đi cướp của người ta, bạn có thể cướp được không? Trong số mạng bạn không có, bạn chưa kịp ra tay là đã bị cảnh sát bắt rồi. Hay nói cách khác, những gì bạn có thể trộm được, bạn có thể cướp được, bạn có thể chiếm đoạt được thầy đều là những cái mà trong số mạng bạn có. Không dùng những thủ đoạn này cũng có được thì việc gì bạn phải khổ như vậy. Cho nên người sáng suốt thường nói: "*Quân tử vui làm quân tử, tiểu nhân oan uổng làm tiểu nhân*". Lời nói này chính là nói, phước báo cả đời của bạn là do đời trước bạn đã tu mà có, trong số mạng bạn có cái phước báo này, bất kỳ sức mạnh nào cũng không thể ngăn nổi, bạn quyết định sẽ được, bạn quyết định không thể mất, việc gì phải dùng những thủ đoạn không chính đáng này chứ? Vậy thì sai rồi! Phật, Bồ-tát ở thế gian thị hiện tâm gương tốt nhất cho chúng sanh. Bạn dùng thủ đoạn không chính đáng để đạt được, tôi dùng cách thức chính đáng tôi cũng đạt được. Tại vì sao phải làm những việc hại người hại mình này chứ? Tại sao không làm nhiều thêm những việc lợi mình lợi người?

Phật Bồ-tát làm tâm gương như vậy, nên mới có nguyện thứ hai: "*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*". Ở trong đây quan trọng nhất là đoạn cho người khác thấy, nhất định phải vì xã hội đại chúng làm nên hình mẫu tốt, xây dựng đức hạnh của mình mới có thể được quảng đại quần chúng xã hội kính ngưỡng. Con người bạn có đạo đức, họ mới mong muốn học theo bạn, bạn khuyên họ, họ mới chịu nghe. Nếu đức hạnh của mình có khiếm khuyết, dù lời bạn nói thật sự là rất hay, người ta nghe xong sẽ hoài nghi, không thể tin, không thể tiếp nhận. Cho nên chưa độ chúng sanh, trước tiên phải thị hiện đức tướng. Tiêu chuẩn của đức hạnh cũng không có nhất định, phải xem tình hình hiện tiền, thời đại này, khu vực này, hầu hết chúng sanh phạm là những lỗi lầm nào, nhắm vào những bệnh trạng này mà hành động, mới có thể thu được hiệu quả. Chúng sanh hiện nay tâm tham nặng, ham muốn danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, thì Bồ-tát thị hiện đầu tiên là phải buông xả danh vọng lợi dưỡng, từ bỏ ngũ dục lục trần, là phải bắt tay làm từ

chỗ này. Đây gọi là tự lợi lợi tha, thành tựu chính mình cảm hóa chúng sanh. Nếu như chỉ có giảng Kinh thuyết pháp, mà bản thân không tự cố gắng nỗ lực thực hiện, thì người khác nghe xong sẽ có nghi hoặc: “*Bản thân bạn nói hay như vậy, tại sao bạn không chịu làm?*”. Hay nói cách khác, bạn sẽ không thể thu được hiệu quả độ chúng sanh. Cho nên nhất định phải tự mình làm được, nói được. Trước tiên phải làm được sau đó bạn hãy nói, như thế mọi người không dị nghị. Thứ đến là tôi trước tiên nói được, sau đó bản thân tôi cũng có thể làm được, phải thực hiện.

Hiện nay chúng sanh phiền não nặng, họ quên mất gốc. Ngay cả Nho gia cũng biết rằng: “*Bổn lập nhi đạo sanh*” (Tạm dịch: *Gốc thiết lập rồi thì đạo mới sanh*). Gốc quên mất rồi, vậy thì làm thế nào được? “Gốc” là gì vậy? Địa Tạng bốn nguyện. Gốc là hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng. Cho nên chúng ta phải đề xướng đạo hiếu, phải đề xướng tri ân báo ân, không phải chỉ nói ngoài cửa miệng, chúng ta phải làm được.

Hiện tại quan hệ giữa người với người chỉ nhìn thấy lợi hại; hôm nay có lợi cho tôi thì chúng ta làm bạn bè, tôi cung kính anh, sợ đỡ anh; ngày mai không có lợi nữa thì thành người xa lạ, không biết nhau nữa. Nếu như có xung đột trên lợi hại, biến thành kẻ địch, đây là xã hội gì vậy? Nếu như muốn xã hội này không loạn là điều không thể. Đề xướng đạo hiếu, đề xướng tưởng niệm tổ tiên. Hiện nay nhà Phật vẫn đang làm, Thanh Minh cúng tổ tiên, tết Trung Nguyên, tết Đông Chí cúng tổ tiên, một năm có ba lần cúng tế trọng đại, đề xướng hiếu đạo.

Cả đời tôi phước mỏng, đời trước không tu phước, đây là trên Kinh Phật nói: “Tu huệ không tu phước”. Nhưng tôi vẫn chưa có rơi vào cảnh “La-hán trị bát, bát trống không”, tôi vẫn chưa đến nỗi này, vẫn có thể gắng gượng duy trì no ấm. Nếu như tôi có phước báo lớn, xin thưa với quý vị, tôi không xây chùa chiền, tôi sẽ xây Từ Đường, đề xướng đạo hiếu. Lời này tôi đã nói mấy chục năm rồi, hy vọng có thể xây Từ Đường, xây nhà thờ trăm họ, mỗi năm vào ba Ngày lễ này cử hành cúng tế long trọng, ở nơi đây tuyên dương hiếu kính cha mẹ. Hiện nay cúng tế hoàn toàn rơi vào hình thức, rất đáng tiếc. Ví dụ như chúng ta Thanh Minh, Trung Nguyên, Đông Chí cúng tế tổ tiên, ngày lễ này cần phải kéo dài bảy ngày. Trong bảy ngày này, những ngày đầu là giảng giải đạo hiếu, biểu dương đạo hiếu, đến ngày cuối cùng này mới cử hành nghi lễ, như vậy mới có ý nghĩa, nếu không

thì chỉ làm theo hình thức. Sao gọi là hiểu? Ý nghĩa của hiểu ở chỗ nào? Không biết! Vậy thì rất khó thu được hiệu quả. Quốc gia chúng ta lấy ngày sinh của Khổng Tử làm Ngày lễ nhà giáo, đây là kỷ niệm thầy cô, mỗi năm có một lần. Phàm là cúng tế hiện nay đều cần phải làm bảy Ngày, cho nên phải giảng rõ ràng, giảng minh bạch cho đại chúng xã hội hiểu tại sao phải tu đạo hiểu, tại sao phải coi trọng sự đạo thì lễ tế này mới có ý nghĩa, mới không đến nỗi chỉ rơi vào hình thức.

Ngay cả một số lễ nghi phép tắc bình thường ở trong nhà Phật chúng ta, ví dụ sau khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, trưởng hội đề xướng Phật sự “Tam Thời Hệ Niệm”, nên chúng tôi đem Tam Thời Hệ Niệm giảng qua một lần rất tỉ mỉ. Trước khi muốn làm Tam Thời Hệ Niệm, nhất định phải đem Tam Thời Hệ Niệm giảng qua. Muốn lễ Lương Hoàng Sám, nhất định phải đem Lương Hoàng Sám giảng cho thật rõ ràng, thật minh bạch từ đầu đến cuối, sau đó mọi người đi lễ sám thì cái tâm này mới tương ứng, mới có thể thu được hiệu quả. Nếu đối với lý, sự, cảnh giới trong đó chẳng biết gì, cứ làm theo hình thức thì không thể thu được hiệu quả. Cho nên cách sám hối này của người xưa quả thật là có lực dụng không thể nghĩ bàn. Người hiện nay chúng ta tu pháp sám hối này không thấy hiệu quả, đạo lý là ở chỗ này. Nếu như ai cũng hiểu rõ về những lý luận, cảnh giới này thì không cần phải giảng giải, cứ thực hiện nghi thức này thôi cũng được rồi. Người hiện nay đều không hiểu, đối với những lễ nghi phép tắc này đều không hiểu, nên nhất định phải lên lớp học trước.

Pháp thế gian và xuất thế gian đều là xây dựng trên nền tảng của hiểu đạo. Nhà Nho lấy đạo hiểu làm nền tảng. “Lục Kinh” đều là chú giải cho “Hiếu Kinh”. Cùng một đạo lý như nhau, Phật pháp Đại thừa cũng xây dựng trên nền tảng của đạo hiểu. Có thể nói tất cả pháp mà Thế Tôn nói trong 49 năm đều là chú giải cho “Kinh Địa Tạng”. Các vị nếu thật sự thâm nhập được thì bạn sẽ thể hội được ý nghĩa này.

Hai nguyện này được thiết lập từ quan sát Tứ Đế. Quan sát thấy được Tứ Đế là trí tuệ, phát khởi được đại nguyện này là từ bi. Trí tuệ, từ bi đều xứng tánh, thiết lập từ trên tánh địa, đây gọi là bốn nguyện. Cho nên giống như Bồ-tát vậy, Bồ-tát dùng cái gì để giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh lìa khổ được vui? Bồ-tát dùng Đạo, dùng Diệt. Đạo này, chư Phật Như-lai trước đây cũng là phàm phu,

các Ngài là tu từ phàm phu mà tu thành công. Chư Phật Như-lai từ phàm phu tu thành Phật đạo, cái đường lối này, con đường này là đường thành Phật. Các Ngài làm thế nào tu thành vậy? Dùng kinh nghiệm của các Ngài, dùng phương pháp của các Ngài truyền dạy cho những phàm phu còn chưa phát tâm, những phàm phu còn mê hoặc điên đảo này, cho nên “pháp môn vô lượng thế nguyện học”. Bồ-tát trước tiên làm nên tấm gương tu học cho mọi người xem, nói cho mọi người biết đây là đường chánh, đây là chân lý, đây là hướng thụ cao nhất của đời người. Bạn phải làm cho họ giác ngộ, làm cho họ cùng học tập theo bạn.

Bắt đầu học từ đâu vậy? Bắt đầu học từ hiểu thân tôn sư. Pháp thế gian và xuất thế gian đều không ngoại lệ. Hiện nay trên thế gian này đạo hiểu không có người đề xướng, dần dần mất hẳn, quên mất rồi. Mà sư đạo là xây dựng ở trên cơ sở của hiểu đạo, họ không biết hiểu đạo thì làm sao biết tôn sư trọng đạo được? Đó là việc không thể. Cho nên hiện nay chúng ta nhìn thấy học trò không cung kính thầy cô thì chẳng có gì lạ. Nếu bạn quở trách họ thì bạn sai rồi. Nên xem chuyện bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng là hiện tượng bình thường, thời đại hiện nay là như vậy. Nếu nhìn thấy có người biết hiểu thân tôn sư, đó là rất không bình thường, hay nói cách khác, đó không phải người phàm. Ai dạy họ vậy? Không có ai dạy, họ tự biết, đó không phải người tái lai là gì chứ? Họ không phải người phàm, hay nói cách khác là Phật Bồ-tát tái lai ứng hóa, phàm phu chắc chắn không làm được. Phàm phu bạn dạy họ, họ còn không thể tiếp nhận thì sao có thể tự động làm được? Ngày nay chư Phật Bồ-tát ứng hóa ở thế gian này là vì sinh tâm đại từ mẫn, không những bạn không kính trọng các Ngài, còn đi phỉ báng các Ngài, còn muốn chà đạp, còn muốn làm nhục các Ngài. Đây đều là nơi có biến cố lớn, Phật, Bồ-tát ứng hóa ở trong đó, như như bất động. Tại sao vậy? Bản nguyện của các Ngài là xây dựng từ trong chân tâm bản tánh. Bất luận bạn chà đạp như thế nào, Phật Bồ-tát thị hiện đến cuối cùng sẽ có một ngày bạn giác ngộ, bạn biết hối lỗi. Việc này là phải dùng thời gian dài cảm hóa chúng sanh. Phật Bồ-tát biết tất cả chúng sanh nhất định sẽ được cảm hóa. Bởi vì tập khí nghiệp chướng của họ quá nặng, không phải thời gian ngắn thì họ có thể giác ngộ được, mà cần phải có khoảng thời gian dài, cần có nhận thức sâu sắc hơn thì họ mới cảm động, mới chịu quay đầu. Sau đó nghiêm túc nỗ lực tu học, đạt đến mức có thể tiếp nối huệ mạng Phật, giúp đỡ chúng sanh, thành tựu mục tiêu dạy học cho chúng sanh.

“*Hiếu thân tôn sư*”, bốn chữ này là tánh đức, đức hạnh vốn có trong tự tánh. Nếu bạn minh tâm kiến tánh, bạn nhất định sẽ làm rất viên mãn. Bạn làm không được là do bạn chưa kiến tánh, bạn đang mê hoặc điên đảo. Chỉ có tánh đức mới có thể khai phá được tự tánh. Làm thế nào mới có thể minh tâm kiến tánh? Nhất định phải tánh tu mới có thể kiến tánh. Người hiện đại tu học kiến tánh là khó rồi! Bạn xem lão Pháp sư Đàm Hư ở trong “Niệm Phật Luận” nói với chúng ta là trong cả đời Ngài chưa từng gặp người nào minh tâm kiến tánh; không những chưa từng gặp, mà cũng chưa từng nghe nói. Ngài nói người tham thiền đắc thiền định, Ngài đã gặp. Tham thiền đắc thiền định, quả báo là sanh về trời Tứ Thiên. Người này là siêu lắm rồi, nhưng vẫn chưa thể ra khỏi tam giới. Tham thiền phải minh tâm kiến tánh mới có thể ra khỏi tam giới được. Nếu không minh tâm kiến tánh thì không thể ra khỏi tam giới. Đây là lời của đích thân Ngài nói.

Ở thời đại này của chúng ta, tham thiền không bằng niệm Phật. Niệm Phật có thể đời nghiệp vãng sanh. Vãng sanh là ra khỏi tam giới rồi, không những ra khỏi tam giới mà còn ra khỏi thập pháp giới. Ngài là Tổ sư tông Thiên Thai, Ngài là niệm Phật vãng sanh. Lúc Ngài vãng sanh là đang ngồi mà đi, rất hiếm có. Tổ sư các đời của Tông Thiên Thai niệm Phật vãng sanh rất nhiều, có lẽ là chịu sự ảnh hưởng của Đại sư Trí Giả. Đại sư Trí Giả là người niệm Phật vãng sanh. Về sau Tổ sư của họ thấy đều là niệm Phật, tuy tu chỉ quán, nhưng không bỏ niệm Phật, thật sự được lợi ích vẫn là niệm Phật. Nhưng tu học chỉ quán có thể nâng cao phẩm vị vãng sanh của họ, đây là sự thật. Người xưa thường nói: “*Thiền Tịnh song tu*”. Tông Thiên Thai quả thật là như vậy, tông này thật sự là Thiền Tịnh song tu.

Cho nên hiếu đạo là rất quan trọng, rất quan trọng. Trước đây chúng ta ở trong các buổi giảng cũng thường nói chữ “Hiếu” này, cái ký hiệu này là đại biểu chân tâm bản tánh của chúng ta. Chỗ hoàn mỹ của văn tự Trung Quốc là hiếm thấy trên thế giới. Hình tượng, hình dáng của chữ này là chữ hội ý, khiến cho bạn nhìn thấy chữ này liền thể hội được ý nghĩa ở trong đó. Ý nghĩa của ký hiệu này, ký hiệu này nửa ở trên là chữ “lão”, nửa ở dưới là chữ “tử”. Hai chữ này tập hợp lại thành chữ “hiếu”, nghĩa là đời trước và đời sau là một thể. Chủ ý của chữ hiếu là ở chỗ này. Đời trước còn có đời trước nữa, quá khứ vô thủy; đời sau còn có đời sau, vị lai vô chung. Vô thủy vô chung là một thể, đây là nói theo chiều dọc. Có chiều dọc thì đương nhiên có chiều ngang. Cho nên cái ký hiệu này trên thực tế là đại

biểu cái gì vậy? Ở trong Phật pháp nói là: “*Đọc tận ba mé, ngang khắp mười phương*”. Mười phương, ba mé là một không phải hai. Hay nói cách khác, mười phương ba mé là chính mình. Đây chẳng phải trong Phật pháp nói là pháp thân hay sao? Pháp thân chính là nói mười phương, ba mé là một không phải hai. Chữ “hiếu” này trong Phật pháp đó là pháp thân lý thể. Tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều sinh ra từ cái thể này, đều là sinh ra từ hiếu. Bất hiếu thì làm sao được chứ! Hiếu chính là nhất tâm, hiếu chính là nhất chân, hiếu chính là pháp giới. Chúng ta người tu học Đại thừa không thể không biết về điều này. Cho nên tu học lấy nó làm căn bản, lấy nó làm nền tảng. Từ trong đây sinh ra đại từ đại bi, chính là pháp môn Quán Âm.

Quán Âm, mọi người biết thiên thủ thiên nhãn, biểu thị điều gì vậy? Biểu thị cho mắt thấy, tay đến. Nhìn thấy chúng sanh có khổ, lập tức liền giúp đỡ họ, thiên thủ thiên nhãn là biểu thị ý nghĩa này. Bồ-tát Quán Thế Âm thiên thủ thiên nhãn. Bồ-tát Văn Thù có thiên thủ thiên nhãn hay không? Bồ-tát Phổ Hiền có thiên thủ thiên nhãn hay không? Ở hai bên trong Phật đường chúng ta là thờ Văn Thù, Phổ Hiền thiên thủ thiên nhãn. Bồ-tát Địa Tạng cũng là thiên thủ thiên nhãn. Bất kỳ một vị Phật Bồ-tát nào cũng là thiên thủ thiên nhãn. Thiên thủ thiên nhãn đại biểu cho mắt thấy, tay đến, đại biểu cho ý nghĩa này; không phải thật sự 1.000 cánh tay, 1.000 con mắt. Thật ra chính là người thế gian chúng ta thường nói đôi tay vạn năng, chính là đại biểu cho ý nghĩa này, quan sát tinh tế, đôi tay vạn năng. Đây là điểm để cho chúng ta trong đời sống thường ngày cần phải học tập. Đối với chúng sanh là giúp chúng sanh đến mục tiêu cuối cùng. Thông thường nói mục tiêu này có ba loại: Mục tiêu thấp nhất là giải quyết khó khăn trước mắt của chúng sanh, giúp họ đời này có thể sống một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Đây là mục tiêu ngắn hạn, mức thấp nhất. Mục tiêu mức trung bình là giúp họ đời sau còn được phước nữa. Không thể nói đời này hưởng phước, đời sau đọa ba đường ác, thế thì thật đáng thương, là rất sai lầm. Đời này hưởng phước, đời sau vẫn tiếp tục hưởng phước, hy vọng đời sau phước báo còn lớn hơn đời này nữa, thù thắng hơn đời này. Đây là mục tiêu độ sanh mức trung bình. Mục tiêu độ sanh lớn hơn, tầm nhìn dài hạn là giúp họ chứng được Bồ đề vô thượng viên mãn. Hay nói cách khác, giúp họ thành Phật, thì mục tiêu này mới thật sự đạt đến viên mãn.

Phật, Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, tại vì sao đặc biệt tán thán pháp môn Tịnh Tông vậy? Ba mục tiêu này thấy đều hàm nhiếp ở trong Pháp môn Tịnh Tông, quả thật

mà nói đây là đại viên mãn. Cho nên tất cả chư Phật đều tán thán Phật A-Di-Đà, tôn Ngài là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (Tạm dịch: *Ánh sáng tôn quý nhất, vua của chư Phật*), tức là Ngài giáo hóa chúng sanh, độ chúng sanh, ba mục tiêu đều viên mãn. Hơn nữa, thật sự Tịnh Tông dạy người là xây dựng ở trên nền tảng của hiếu kính. Tịnh nghiệp Tam Phước trong “Quán Kinh”, vừa mở đầu liền dạy chúng ta “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, người trước đây đều biết cho nên làm cha mẹ dạy con cái thì việc nào là quan trọng nhất vậy? Tôn sư trọng đạo. Họ không có dạy gì khác. Thầy cô dạy học trò bài học quan trọng đứng đầu chính là hiếu thuận cha mẹ. Cho nên trẻ con từ nhỏ tiếp nhận cách giáo dục này. “*Thiếu thành nhược thiên tánh*” (tạm dịch: *Tập thành từ lúc nhỏ, cũng như thiên tính*). Truyền bá từ nhỏ, dạy bảo từ nhỏ sẽ liền bén rễ sâu trong tâm địa, trong A-lại-da thức của chúng, vĩnh viễn không thay đổi, chúng có thể tận hiếu. Ở trong hiếu bao gồm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, ở đây không thể nói tỉ mỉ. Ở nhà biết hiếu thảo cha mẹ, biết yêu thương anh em, đây chính là để, biết đền ơn quốc gia chính là trung. Cho nên ở trong bát đức: Hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, thì hiếu là gốc rễ, bảy đức còn lại đều là hiếu biểu hiện ở trong các sự tướng khác nhau mà thiết lập danh tướng cho nó. Thực ra chỉ là một chữ “hiếu”. Ở trong Phật pháp, Tam Học, Tứ Nhiếp, Lục Độ, vô lượng vô biên pháp môn đều là một chữ “Hiếu”. Chánh pháp thế gian và xuất thế gian nhất định là thiết lập ở trên nền tảng của hiếu đạo.

Khi xây dựng đạo tràng, đại chúng cùng nhau huân tu, tại vì sao bộ Kinh đầu tiên phải giảng là “Kinh Địa Tạng”? Cơ sở vật chất (thiết bị phần cứng) của đạo tràng xây dựng rồi. Sau khi xây dựng xong phần cứng này, thì cần phải thiết lập phần mềm, tức là xây dựng tâm ở nơi này. Tâm chánh thì hạnh chánh, liền tương ứng với đạo, tương ứng với tâm tánh, tương ứng với chân tướng vũ trụ nhân sinh.

Chỗ đặc biệt thù thắng của “Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện” là hiếu bắt đầu làm từ chỗ độ mẫu thân. Trong thế gian người thân mật nhất là mẹ, cha vẫn là đứng nhì. Một đứa bé sinh ra đời, được sự quan tâm chăm sóc của mẹ, ơn đức đó không gì sánh bằng. Cho nên nói hiếu thân thì người đầu tiên là mẹ. Ở trên Kinh này chúng ta xem thấy Bồ-tát Địa Tạng. Bồ-tát Địa Tạng tức là người tu học pháp môn Địa Tạng này. Bồ-tát Địa Tạng không phải một người. Phạm là người nào tu học hiếu thân tôn sư thì người này chính là Bồ-tát Địa Tạng. Phạm là người nào tu học từ bi cứu độ tất cả chúng sanh khổ nạn thì người ấy chính là Bồ-tát

Quán Thế Âm. Ý nghĩa này chúng ta phải hiểu. Chúng ta trọn đời phải làm đầy đủ tất cả Bồ-tát mới có thể viên thành Phật đạo, đây chính là ý nghĩa chân thật của pháp môn vô lượng thế nguyện học. Chúng ta phải học hạnh hiệu kính của Địa Tạng, phải học hạnh từ bi của Quán Âm, phải học trí tuệ của Văn Thù (chúng ta ngày nay nói là lý trí), phải học thực tiễn của Bồ-tát Phổ Hiền. Bạn xem đây chẳng phải một thân mà đã đầy đủ bốn Bồ-tát lớn sao? Bốn Bồ-tát lớn, nếu phân chia tiếp chính là vô lượng vô biên tất cả Bồ-tát. Đây gọi là pháp môn vô lượng thế nguyện học. Từ chỗ này các vị cũng có thể thể hội được lời ở trong Kinh điển Tịnh Tông, Hoa Nghiêm nói: “*Một tức tất cả*”. Một pháp môn nhất định hàm nhiếp tất cả pháp môn. Địa Tạng hiệu kính, trong hiệu kính đương nhiên có từ bi, trong hiệu kính có lý trí, hiệu kính có thực tiễn. Một vị Địa Tạng là đầy đủ Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, chẳng phải thấy đều đầy đủ hết sao? Bồ-tát Phổ Hiền thực tiễn, trong thực tiễn nhất định có hiệu hạnh, nhất định có từ bi, nhất định có trí tuệ, đó không phải là một vị Bồ-tát lại đầy đủ tất cả Bồ-tát sao? Cho nên mới nói với bạn: “*Một tức tất cả, tất cả tức một*”, pháp nào cũng viên dung, pháp nào cũng vô ngại, bạn mới thật sự biết Phật pháp là bất khả tư nghì. Cho nên chúng ta ở chỗ này xem thấy Ngài là phát tâm vì mẫu thân, đây là thân thiết hơn hết. Dạy chúng ta làm sao sinh khởi tâm hiếu thuận? Là độ mẫu thân. Ôn đức của mẫu thân đối với chúng ta lớn như vậy, chúng ta bất luận ở nơi nào, vào lúc nào, niệm niệm không quên. Niệm niệm không quên là ở trong tâm. Để báo ơn mẹ, không những chúng ta không được phép làm việc sai trái, mà ngay cả một niệm ác cũng không được sinh khởi. Tại sao vậy? Có lỗi với mẹ. Đây không phải sự kỳ vọng của những người mẹ đối với con cái. Mỗi năm cử hành một lần cúng tế đó là đề xướng đạo hiếu, phát triển đạo hiếu, dụng ý là ở chỗ này, là để lợi lạc cho người. Niệm niệm đoạn ác, niệm niệm tu thiện, đây là tâm hiếu đối với mẹ, nhất định chúng ta phải làm được như vậy. Bạn nói sức mạnh của chữ hiếu này bao lớn, thúc đẩy chúng ta luôn tinh tấn không lùi biếng trên đường Bồ đề.

Từ chỗ hiếu thảo với mẹ khiến chúng ta liên tưởng đến thầy cô dạy bảo chúng ta. Không có thầy cô, chúng ta làm sao biết được đạo hiếu. Cho nên ơn đức của thầy cô không thể quên. Phác Lão viết bốn chữ: “*Biết ơn báo ơn*”. Bốn chữ này Thế Tôn nói ở trong “*Kinh Đại Bát Nhã*”, là pháp môn tu học của Bồ-tát nhị địa. Trên “*Kinh Đại Bát Nhã*” nói Bồ-tát nhị địa có tám khoa mục tu học chính, biết ơn báo ơn là một khoa trong tám khoa mục này. Ở thời đại ngày nay đặc biệt đáng đề

xương, xã hội hiện nay người vong ơn bội nghĩa rất nhiều. Vong ơn bội nghĩa là hành vi tội ác, là lỗi lầm, là khổ báo. Biết ơn báo ơn là hành vi chân chánh, hạnh Bồ-tát, quả báo là báo vui, rất khác nhau. Đại chúng xã hội ngày nay phạm lỗi lầm gì, thì chúng ta phải nhắm vào những sai lầm này mà tiến hành hướng dẫn, giúp đỡ, như vậy mới đúng.

Cho nên phát tâm vì mẫu thân là quá thân thiết rồi. Cách giáo dục như vậy khiến chúng ta thể hội được, Thế Tôn có trí tuệ cao độ, trí tuệ viên mãn, cực kỳ phương tiện thiện xảo, phương tiện thiện xảo đạt đến cực điểm, khiến chúng ta nghe thấy, tiếp xúc đến không thể không tin, không thể không học. Toàn bộ tất cả thiện pháp, toàn bộ tất cả thiện hạnh đều là từ hiếu thuận với mẹ, cứu độ mẹ mà phát sinh ra, đây chân thật là căn bản. Chánh hạnh của chúng ta trên đường Bồ đề thành tựu càng thù thắng thì sự hiếu kính đối với mẹ càng viên mãn. Cho nên tôi thường nói, người làm được cứu cánh viên mãn đạo hiếu chỉ có một người, đó là Phật. Phật quả viên giáo, đây là đạt đến cứu cánh viên mãn. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, nên hiếu đạo vẫn thiếu một phần.

Tại vì sao chúng ta phải phát tâm độ chúng sanh, tại vì sao phải phát tâm đoạn phiền não, tại vì sao phải phát tâm học pháp môn, thành Phật đạo? Vì để báo ơn cha mẹ. Chúng ta không làm như vậy là có lỗi với cha mẹ, đặc biệt là mẹ. Chánh giáo, đại pháp của Như-lai được xây dựng ở trên nền tảng này.

Cho nên “tứ hoằng thệ nguyện” là nguyện chung, là bốn nguyện của tất cả chư Phật Như-lai. Bồ-tát Địa Tạng đặc biệt dùng tâm bi không gì sánh bằng, hướng về chúng sanh thọ khổ. Chúng sanh thọ khổ nạn càng nhiều thì tâm từ bi của Bồ-tát càng lớn. Cho nên trong Kinh xưng Ngài là: “*Vĩnh tố U-minh giáo chủ*” (tạm dịch: *Vĩnh viễn làm giáo chủ cõi U-minh*). U-minh là địa ngục. Thệ nguyện của Bồ-tát là: “*Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật*” (tạm dịch: *Địa ngục chưa trống, thệ không thành Phật*), tâm từ đã đến cực điểm. Chôn địa ngục khổ nạn này, hầu hết mọi người chẳng chịu đến. Người khác không chịu đến thì Ngài đến. Người khác không chịu ném khổ đau, Ngài chịu ném khổ đau. Vào địa ngục thì nhất định phải hiện thân cùng loại địa ngục. Không hiện thân cùng loại, làm sao có thể giáo hóa chúng sanh? Phải tu hạnh cùng loại. Chúng sanh địa ngục bị những nỗi khổ đó, Bồ-tát ở trong đó cũng phải thị hiện bị những nỗi khổ đó, không được đặc biệt, không được ngoại lệ, mới có thể cảm hóa được chúng sanh địa ngục giác

ngộ, sám hối mà quay đầu. Cho nên là nhẫn chịu khổ nạn, đại từ đại bi, đây là bản nguyện của Bồ-tát Địa Tạng, khiến cho người sơ phát tâm tu học Đại thừa chúng ta phải học Bồ-tát Địa Tạng.

Hôm qua, tôi gợi ý với các vị, chữ U-minh còn có ý nghĩa khác là khiêm tốn, khiêm hạ, vĩnh viễn ở dưới người khác, chăm chỉ nỗ lực tu học giáo hóa chúng sanh. Danh vọng lợi dưỡng hết thảy mọi thứ hưởng thụ đều hiến dâng cho người khác, bản thân vĩnh viễn ở vị trí thấp, đây là ý nghĩa của U-minh.

Biệt đề của đề Kinh là giới thiệu đến chỗ này. Sau cùng có chữ “**Kinh**”.

“**Kinh**” là thông đề. Tất cả pháp mà chư Phật Như-lai nói, chúng ta đều tôn xưng là “**Kinh**”. Cách xưng hô này thuận theo thói quen của người Trung Quốc. Trước khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đối với lời giáo huấn của cổ Thánh tiên Hiền đều gọi đó là “**Kinh**”, như Nho gia có “Thập Tam Kinh”, Đạo gia của Lão Tử tôn xưng là “Đạo Đức Kinh”, Trang Tử tôn xưng là “Nam Hoa Kinh”. Đối với lời giáo huấn của cổ Thánh tiên Hiền đều là xưng hô như vậy. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc tôn kính Phật pháp, nên cũng tôn xưng là **Kinh** giống như vậy. Căn cứ cách giải thích trong Kinh điển, nguyên văn tiếng Phạn gọi là “Tu-đa-la”. Ý chính của Tu-đa-la là tuyên “sợi chỉ”. Bởi vì trước đây Kinh Phật là được viết trên lá Bối, sau khi viết xong dùi lỗ hai bên, dùng dây khâu chung lại, cho nên gọi là tuyên. Người Trung Quốc thấy cách gọi tuyên này không tôn trọng, nên họ tôn xưng là **Kinh**.

Chữ Tu-đa-la có một số ý nghĩa, thông thường nói có năm ý nghĩa.

Ý nghĩa thứ nhất là “Dũng tuyên” (tạm dịch: suối tuôn trào), giống như dòng suối tuôn ra từ trong đất vậy, nghĩa thú mà Phật nói là vô cùng vô tận. Chúng ta hiện nay nói là rất có sức lôi cuốn, càng đọc càng thấy thú vị. Không giống như văn tự thế gian. Văn tự thế gian, nếu như các vị xem báo, tạp chí, xem qua một lần thì không muốn xem lần nữa. Tại vì sao vậy? Một lần là hết thú vị rồi, không còn hứng thú nữa, cái ý vị này rất nhạt, không đậm. Những tác phẩm văn học hay của thế gian mọi người thích xem, thích đọc. Nhưng nếu như đọc đến 10 lần, 20 lần, 30 lần thì không muốn xem nữa. Ý vị của nó đậm hơn nhiều so với báo, tạp chí, nó có thể khiến cho bạn xem mười mấy lần, mấy mươi lần. Nhưng Kinh điển thì khác, ý vị của Kinh điển thì vĩnh viễn không bị suy giảm. Chúng ta có thể làm cuộc so sánh, bạn xem tác phẩm văn học nổi tiếng của Trung Quốc, bốn bộ tiểu

thuyết văn nghệ lớn nổi tiếng của Trung Quốc là Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, bạn có thể xem bao nhiêu lần? Xem 10 lần, 20 lần là không muốn xem nữa rồi. Xin thưa với quý vị, tôi đã xem qua mười mấy hai chục lần rồi, là lúc tôi còn là học sinh. Sách dày như vậy, tôi nói cho các vị đồng tu biết, cuốn sách này tôi đọc một lần từ đầu đến cuối nhiều nhất là một tuần. Tôi bắt đầu xem tiểu thuyết văn nghệ cổ điển Trung Quốc từ năm lớp bốn tiểu học, tôi xem đến đầu năm cấp hai thì sau đó không xem nữa, tiểu thuyết này không còn thú vị nữa. Nhưng mà “Tứ Thư”, “Ngũ Kinh”, “Cổ Văn” bạn đọc từ tiểu học đến khi râu tóc bạc phơ vẫn còn thấy thú vị, vẫn còn say mê thích thú, là không như nhau, thú vị vô cùng. Niềm hứng thú trong Kinh Phật thì đậm đà hơn. Nếu như các vị có thể khế nhập vào trong Kinh điển Đại thừa của Phật, thì sách vở thế gian sẽ không còn muốn xem nữa.

Tôi trước đây lúc mới học, rất có hứng thú về tâm lý học, đã sưu tập không ít sách tâm lý học nổi tiếng trong nước, ngoài nước, vẫn chưa xem xong. Về sau tiếp xúc được Phật pháp, tiếp xúc được môn Pháp Tướng Duy Thức của Phật pháp, thì thấy toàn bộ sách tâm lý học trên thế gian này, nếu sánh với Pháp Tướng Duy Thức thì kém nhau quá xa rồi. Ý vị của Phật pháp đậm đà, giống như nước suối tuôn ra từ lòng đất vậy.

Ý nghĩa thứ hai là “sinh ra”, có thể sinh ra hết thảy thiện pháp vi diệu. Sau khi đọc Kinh Phật rồi, tâm của bạn thiện, hạnh của bạn tự nhiên sẽ thiện ngay, đem tánh đức của bạn khơi dẫn ra, cho nên cái thiện này không phải do học mà có.

Ý nghĩa thứ ba là “dây mực”. Dùng cách nói hiện nay để nói, dây mực là tiêu chuẩn, là tiêu chuẩn nhất định, tiêu chuẩn tuyệt đối của chân vọng, tà chánh, đúng sai, thiện ác, lợi hại. Dây mực là ví dụ, có lẽ ở Trung Quốc hiện nay vẫn còn. Thợ mộc cưa cây, dùng cái ống mực kéo một đường mực lấy dấu, sau đó cưa theo đó. Hiện nay người phương Tây đã không còn dùng dụng cụ này nữa. Ý nghĩa của nó là tiêu chuẩn.

Ý nghĩa thứ tư là “hiển bày”. Nó có thể hiển bày chân lý.

Ý nghĩa thứ năm là “kết man”. Kết man chính là xuyên suốt các pháp. Dùng cách nói hiện nay của chúng ta chính là khoa phán, chính là học phân tích chương cú. Tổ chức văn tự của nó từ đầu đến cuối có liên hệ liên mạch với nhau, rành mạch phân minh. Kết cấu văn tự nghiêm chỉnh thì hệ thống tư tưởng sẽ rất rõ ràng.

Chữ Tu-đa-la có năm ý nghĩa này. Còn có nhiều ý nghĩa, giống như Đại sư Thanh Lương đã nói mười ý nghĩa trong "Kinh Hoa Nghiêm". "Hoa Nghiêm" là dùng số 10 đại biểu cho viên mãn. Nhưng chúng ta thông thường giải thích ý nghĩa của Kinh, phần lớn là dùng bốn chữ "**Quán nhiếp thường pháp**" để giải thích. Đây là cách giải thích phổ biến, cũng nói rất hay.

Ý nghĩa của "**Quán**" chính là kết man, chính là xuyên suốt. Chính là Phật thuyết pháp rất có trật tự, rất có thứ lớp, rành mạch phân minh, đây chính là cái học khoa phán. Trong giới học thuật Trung Quốc thời kỳ sau này có một môn học là phân tích chương cú. Thực ra học phân tích chương cú chính là từ học khoa phán của Kinh Phật biến chuyển qua. Phật pháp có ảnh hưởng rất sâu đối với giới học thuật Trung Quốc. Ghép âm cũng là học được từ chữ cái trong Kinh Hoa Nghiêm. Đây là ý nghĩa của chữ quán.

"**Nhiếp**" nghĩa là nhiếp thọ, nghĩa là dòng suối tuôn ra như vừa mới nói. Ở trong đây ý vị vô cùng, có thể nhiếp thọ nhân tâm, khiến bạn sau khi tiếp xúc đến, đọc đến muốn ngưng mà không được, bạn sẽ vô cùng hứng thú. Nó có sức mạnh như vậy. Và lại, loại pháp vị này vĩnh viễn không suy giảm, càng thâm nhập càng say mê, đây là điều mà bất kỳ sách vở thế gian nào cũng không thể làm được. Nó có sức hấp dẫn mạnh mẽ như vậy.

"**Thường**" nghĩa là cách lý luận và phương pháp trên Kinh nói vĩnh viễn không thay đổi, vượt qua không gian và thời gian. Vào 3.000 năm trước, tuân theo những lý luận, phương pháp này tu học được thành tựu, hiện nay 3.000 năm sau người hiện đại dùng phương pháp này, dùng lý luận này cũng có thể thành tựu y như vậy, là vượt qua thời gian. Vào thời xưa người Ấn Độ dùng phương pháp này có thể thành tựu, hiện nay người Trung Quốc dùng phương pháp này cũng có thể thành tựu, là vượt qua không gian. Tác phẩm vượt qua không gian thời gian, đây là chân lý.

"**Pháp**" là phép tắc, quy củ. Dựa theo phương pháp này tu hành, bạn nhất định thành công.

Kinh điển có đầy đủ bốn ý nghĩa: Quán, nhiếp, thường, pháp.

Đề Kinh chúng ta chỉ giới thiệu đến chỗ này. Đề mục của Kinh hợp chung lại là: "Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên". Chúng ta dựa theo phương pháp, lý luận

của bộ Kinh điển này mà tu học, để thành tựu pháp môn Địa Tạng của mình, dùng cái này làm nền tảng mới có thể thiết lập tất cả Phật pháp Đại thừa, thiết lập Phật pháp Tịnh Độ. Lìa khỏi nền tảng này, xin thưa với các vị, bất luận Phật pháp gì cũng đều không thể thiết lập được. Tất cả pháp Đại thừa, pháp môn Tịnh Độ cũng xây dựng ở trên cơ sở này, lìa khỏi cơ sở này thì không có Phật pháp. Điểm này là quan trọng hơn hết. Cho nên học Phật chân thật hy vọng mình trong đời này có thể thành tựu thì pháp môn này không thể không coi trọng, không thể không chăm chỉ mà tu học.

NHÂN ĐỀ - NGƯỜI PHIÊN DỊCH KINH NÀY

Dưới đây chúng ta xem Nhân Đề, chính là người phiên dịch bản Kinh này.

“ĐƯỜNG VU ĐIỀN QUỐC, TAM TẠNG SA-MÔN THỰC-XOA-NAN-ĐÀ DỊCH”

(Sa Môn Thực Xoa Nan Đà, người nước Vu Điền, đời Đường dịch).

Trên Kinh Phật, người phiên dịch là rất quan trọng, cũng là để cho chúng ta sinh khởi tín tâm. Kinh Phật là được phiên dịch từ Phạn văn của Ấn Độ, là lời mà Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa còn tại thế nói ra. Nói rõ nó không phải do ngụy tạo, nó không phải do lên đồng hay thần tiên giáng thế viết ra. Những thứ đó không thể khiến người ta sinh tín tâm.

Chuyện lên đồng viết chữ này, lúc tôi còn rất nhỏ, dường như là lúc học tiểu học, ở Phúc Kiến, tôi nhìn thấy tập tục lên đồng viết chữ ở đó rất thịnh. Tôi thấy cách làm đó của họ tôi có thể tin được. Bởi vì người lên đồng, lên đồng ở trên bàn bằng cát, cái đó cũng rất cầu kỳ. Loạn bút còn gọi là phù cơ, bút cơ. Họ chạm vào cái đầu rồng, khi lưỡi của rồng thè ra, đó chính là cán bút, dùng một cái nĩa nhỏ, cũng trang hoàng rất đẹp. Người lên đồng phần lớn là tìm những người gánh nước, bán củi ở trên đường. Vào lúc đó trước thời kháng chiến, thông thường trong nhà người ta không có nước máy, phải mua nước, có người chuyên gánh nước để bán. Những người này không biết chữ. Có người bán củi, chưa từng đi học, không biết chữ. Tìm bất cứ người nào ở ngoài đường này đến, mời họ vào cầm cơ. Họ viết chữ trên bàn cát, chúng tôi ở bên cạnh cũng nhận ra được, họ viết chữ rất ngay ngắn, không có viết ẩu chút nào cả. Từng nét chữ viết ra, đại khái khoảng nửa giờ đến một giờ, có thể viết được mấy mươi chữ, người ta chép chữ đó lại. Tôi rất tin

chuyện này, bởi vì bản thân họ không biết chữ, đặc biệt là không phải người nào cố định, mà là tìm đến bất kỳ người nào. Tôi rất tin việc này. Còn ở Đài Loan, nhìn thấy cách lên đồng đó thì tôi không tin. Vì sao vậy? Người lên đồng là một người nhất định, người cầm cơ là một người cố định. Vả lại, khi bàn cơ vừa chuyển động, cái cơ đó chạy chúng tôi nhìn như thế nào cũng không thể nhìn ra được một chữ nào cả. Hơn nữa chỉ trong vòng nửa giờ miệng họ đọc ra cả một, hai ngàn chữ. Cho nên tôi nhìn thấy cái đó tôi không tin. Đại khái cái đó là ngụy tạo, không phải thật.

Kinh Phật không phải do bút cơ của những quỷ thần viết ra, đích thực là được phiên dịch ra từ Phạm văn Ấn Độ. Cho nên có ghi niên đại phiên dịch, có nơi chốn phiên dịch, có người phiên dịch, đủ để chứng minh tính chân thật của Kinh. Người dịch trong cái đề này, triều đại là đại biểu thời gian, đây thời đại triều Đường. Pháp sư phiên dịch chúng ta cũng phải biết. Vào thời xưa, việc dịch Kinh không phải do một người làm, cho nên có dịch trường. Dịch trường là do nhà nước xây dựng, chính là địa điểm dịch Kinh. Người tham gia làm việc ở nơi phiên dịch đó rất nhiều. Công việc ở trong đó cũng phân công rất tỉ mỉ. Người dịch là người chịu trách nhiệm của nơi dịch. Giống như họ là viện trưởng của viện dịch Kinh. Toàn bộ những sách phiên dịch này đều do họ đứng tên, họ chịu trách nhiệm, là giống như cấp trên ở trong một cơ quan vậy. Công việc này có thể là do người cấp dưới của vị đó làm. Trong đây cũng có rất nhiều pháp sư, cư sĩ tham gia công tác dịch Kinh. Sau khi Kinh dịch xong, dùng tên của vị ấy, do vị ấy chịu trách nhiệm. Cũng giống như tổ chức chính phủ vậy. Cấp trên trong chính phủ, một vị thị trưởng, tất cả những văn kiện, thông báo do thị trưởng ban hành này đều là do nhân viên, thư ký, trưởng khoa cấp dưới thay ông soạn thảo. Ông xem xong ban hành, ông đóng dấu, ký tên của ông, ông chịu trách nhiệm. Điều này chúng ta nhất định phải biết, không nhất định là do đích thân ông phiên dịch.

Vị pháp sư này ở “**Nước Vu Điền**”. Vu Điền là Tân Cương hiện nay của chúng ta. Vào đời Đường nó là một quốc gia nhỏ ở Tây Vực. Chỗ này là nói rõ quê quán của Pháp sư, Sư là người nơi nào, Sư xuất hiện ở thời đại nào. Đường là đại biểu cho thời đại. Nước Vu Điền là đại biểu cho quê quán của Sư. “Tam Tạng Sa Môn” là đại biểu cho trình độ học vấn của Ngài. Thông thường gọi là Tam Tạng Pháp Sư. Bản thân Ngài khiêm nhường, không dám xưng Pháp sư, mà xưng là Sa Môn. Sa Môn là cách xưng hô rất khiêm nhường. Nếu dùng cách nói hiện nay để nói

chính là học trò, là người đang học tập, không dám xưng thầy, xưng là học trò, địa vị là bình đẳng với mọi người, chúng ta là bạn học. “Tam Tạng” đây là nhất định phải ghi lên. Nếu như không thông đạt Tam Tạng thì không có tư cách dịch Kinh. Pháp sư dịch Kinh nhất định là thông đạt Tam Tạng mới có tư cách dịch Kinh. Tam tạng Kinh, Luật, Luận họ đều thông suốt.

“**Sa Môn**” là tiếng Phạn. Ấn Độ xưa phàm là người xuất gia đều xưng là Sa Môn, không nhất định phải là Phật giáo. Người xuất gia tu hành trong những tôn giáo khác, giống như Bà La Môn giáo, Du Già, Số Luận, chỉ cần là người xuất gia tu hành đều xưng là Sa Môn. Danh xưng Sa Môn này sau khi truyền đến Trung Quốc thì biến thành từ chuyên gọi cho người xuất gia tu hành Phật giáo. Ý nghĩa của nó là: “Siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si”, thì xưng là Sa Môn. Đây là cách xưng hô khiêm nhường của Pháp sư.

“**Thật Xoa Nan Đà**” cũng là do dịch âm từ tiếng Phạn. Dịch thành ý nghĩa tiếng Trung Quốc là thích học, yêu thích học tập.

“**Dịch**” là phiên dịch. Cái này thì không cần nói nhiều.

Đại sư Thật Xoa Nan Đà là người dịch ra bộ Kinh này. Pháp sư ở Trung Quốc còn có dịch một bộ nữa là “Bát Thập Hoa Nghiêm” mà hiện nay mọi người hay đọc tụng. Tám mươi quyển “Hoa Nghiêm” cũng là do đích thân Ngài phiên dịch, cho nên Ngài rất có công hiến đối với Phật giáo Trung Quốc. Chúng ta ở nơi đây đọc Kinh, đại ân đại đức của người truyền pháp này, chúng ta cũng không được quên. Nếu không có Ngài phiên dịch thì chúng ta không thể đọc được bộ Kinh này. Không có tổ sư đại đức truyền từ đời này qua đời khác thì chúng ta cũng không có duyên nhìn thấy được bộ Kinh này. Cho nên chúng ta cần phải có tâm biết ơn đối với tổ sư nhiều đời. Biết ơn nhất định phải báo ơn. Báo ơn thì phải nghiêm túc học tập. Đây mới là “trên đền bốn ơn nặng” chân thật. Biết báo ơn thì nhất định “dưới cứu khổ ba đường”, cho nên báo ơn, độ khổ là một sự việc. Hạnh báo ơn này của bạn khiến cho chúng sanh sau khi nhìn thấy có thể sinh khởi rung động, có thể giác ngộ, có thể quay đầu, có thể sửa chữa sai lầm, là thu được hiệu quả độ hóa chúng sanh chân thật.

PHẦN CHÁNH KINH

Phẩm Thứ Nhất

Thần Thông Trên Cung Trời Dao Lợi

Kinh văn của bản Kinh tổng cộng có mười ba phẩm. Phẩm thứ nhất là phẩm tựa. Tên của phẩm này là: “Đao Lợi Thiên Cung Thần Thông Phẩm Đệ Nhất”. Ở trong phẩm Kinh này, Phật nói rõ cho chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta xem. Ngài ở thế gian này thị hiện tu học, thành đạo, dạy học, đó gọi là chuyển pháp luân, độ chúng sanh. Duyên giáo hóa chúng sanh khi sắp đến lúc kết thúc thì Thích Ca Mâu Ni Phật phải thị hiện diệt độ. Trước khi diệt độ Ngài đã đặc biệt vì chúng ta thị hiện báo ơn mẹ. Chúng ta xem thấy ở trên Kinh, sau khi Thế Tôn ra đời thì mẹ của Ngài liền qua đời. Mẹ Ngài sinh lên cõi trời Dao Lợi, nên Ngài nhất định phải đến cung trời Dao Lợi để thuyết pháp cho mẹ, và đã trụ ở Trời Dao Lợi ba tháng. Thuyết pháp cho mẹ nghe chính là thuyết bộ "Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên" này. Pháp hội lần này ở cung trời Dao Lợi vô cùng vô cùng thù thắng. Thế Tôn vì chúng ta nói ra những nhân duyên, công án độ mẹ trong nhân địa quá khứ của Bồ-tát Địa Tạng. Chúng ta thông thường gọi là câu chuyện. Hy vọng chúng ta sau khi nghe xong có thể xúc động, học tập, noi theo Bồ-tát Địa Tạng, đặt nền tảng vững chắc cho tu học Đại thừa. Đây là nghĩa thú của phẩm Kinh này. Bây giờ chúng ta xem Kinh văn.

Kinh văn vừa mở đầu:

“NHƯ THỊ NGÃ VĂN: NHẤT THỜI PHẬT TẠI ĐAO LỢI THIÊN, VỊ MẪU THUYẾT PHÁP”.

(Ta nghe như thế này: Một thuở nọ, tại cung Trời Dao-Lợi, Đức Phật vì Thánh Mẫu mà thuyết pháp).

Ở đây có một chút khác so với mở đầu của những Kinh điển khác. “**Như thị ngã văn**”, bốn chữ này giảng đơn giản, là do người kết tập Kinh điển nói, là do tôn giả A Nan nói ra. “Như thị”: bộ "Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên" này là do “ngã” (ngã là tôn giả A Nan tự xưng) đích thân nghe Phật nói, chứ không phải nghe kể lại, là đích thân Ngài nghe Phật nói. Giống như lời trưởng giả Lý nói ở trong "Kinh Hoa Nghiêm", tôn giả A Nan nói lại cho chúng ta bộ Kinh này, từng câu từng chữ giống như những gì Phật đã nói, là lời Phật nói, nhất định không

dám xen một mảy may ý của mình ở trong đó. Đây là ý nghĩa của bốn chữ “Nhu thị ngã văn” này.

“**Nhất thời**”. Nói thực ra thời gian này là vô cùng vô cùng rõ ràng, là trước khi Phật diệt độ ba tháng, nhưng vẫn cứ dùng chữ “nhất thời” là hay. Nhất thời là lúc có cảm ứng đạo giao, lúc thầy trò hợp ý nhau, cho nên ý nghĩa của chữ “nhất thời” là vô cùng sâu đậm, vô cùng viên mãn. Nếu như ghi năm, tháng, ngày, giờ thì pháp môn này xem như là quá khứ rồi, không thể trở lại. Nhất thời là từ sống động, nó không phải từ chết cứng. Giống như trước đây Đại sư Trí Giả tông Thiên Thai đọc “Kinh Pháp Hoa”, trong khi vô tình Ngài nhập định, ở trong định Ngài nhìn thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giảng “Kinh Pháp Hoa” ở núi Linh Thứu, Ngài còn ngồi lại nơi đó nghe một lát. Sau khi xuất định nói với người khác rằng, pháp hội Thế Tôn giảng “Kinh Pháp Hoa” ở núi Linh Thứu vẫn chưa giảng xong, là sự thật, giống như lời Thế Tôn nói ở trong “Pháp Hoa”: “*Thế gian tướng thường trụ*”.

Cận đại Einstein cũng nói, quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại đồng thời. Hiện nay vấn đề ở chỗ nào vậy? Chính là làm thế nào đột phá thời gian quá khứ với hiện tại và vị lai này. Hiện nay nhà khoa học biết quá khứ, hiện tại, vị lai là tồn tại đồng thời, nhưng không có cách gì đột phá được. Nếu như đột phá được thì bạn có thể quay về quá khứ, cũng có thể tiến bước đến vị lai. Hay nói cách khác, quá khứ vị lai việc gì bạn cũng biết, bạn cũng hiểu rõ. Họ không biết dùng phương pháp gì để đột phá, giống như dùng máy móc khoa học.

Trên thực tế Phật pháp chúng ta là dùng thiên định, dùng công phu thiên định. Định lực của bạn càng sâu thì diện đột phá của bạn càng rộng. Vì vậy chúng ta có thể thể hội được thiên định này của Đại sư Trí Giả có thể đột phá được 2.000 năm. Thời đó của Ngài cách chúng ta hiện nay đại khái là khoảng chừng 1.400 năm, cách thời Thích Ca Mâu Ni Phật có lẽ là xấp xỉ chưa đến 2.000 năm, đại khái khoảng chừng một ngàn bảy, một ngàn tám trăm năm. Ngài có thể đột phá một khoảng thời gian dài như vậy, có thể nhìn thấy Thế Tôn vẫn còn thuyết pháp ở Linh Thứu. Người hiện nay nói là đi ngược thời gian. Ngài có thể quay về quá khứ. Đây là chứng minh nhất thời có đạo vị. Nhất thời là lúc nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn chính là thiên định.

Tại vì sao chúng ta hiện nay không thể đi về quá khứ, không thể bước đến tương lai? Tâm của chúng ta tạp loạn, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều, cho nên năng lực này đã mất hết. Quý vị nên biết, năng lực này là bản năng, là vốn có. Bản năng vốn có, hiện nay không còn nữa, đã mất hết rồi. Cho nên Phật dạy chúng ta tu thiền định, pháp môn Tịnh Tông chỉ chúng ta niệm Phật, nhất tâm bất loạn.

Bạn đạt được nhất tâm bất loạn, nói thực ra bạn có thể được sự nhất tâm bất loạn thì ba ngàn năm trước với ba ngàn năm sau sẽ không thành vấn đề, bạn chắc chắn biết. Nếu như đạt được lý nhất tâm bất loạn thì việc của quá khứ, vị lai tận hư không khắp pháp giới bạn thấy đều biết được. Năng lực của bạn là ngang bằng với chư Phật Như-lai. Cho nên “Nhất thời” là chính xác. Đây là điểm đáng để chúng ta tán thán.

Tốt rồi, chúng ta hôm nay chỉ giảng đến chỗ này.

Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyên Quyền thượng (tập 2)

Người giảng: Pháp Sư Tịnh Không

Địa Điểm: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Thời gian: Tháng 5, năm 1998.

Cẩn dịch: Viên Đạt Cư Sĩ

Giám định phiên dịch: Vọng Tây Cư Sĩ